TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày: 19 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Thành Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Lành.**

2. Ông **Nguyễn Quốc Phục.**

- Thư ký phiên tòa: ông **Trần Kiến Toàn** – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà **Bùi Thị Cẩm Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/HSST, ngày 16 tháng 01 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1971, tại Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện nay: ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: nguyên Thẩm phán sơ cấp, Phó Chánh án TAND thị xã Bình Minh (đã bị buộc thôi việc theo Quyết định số 281/QĐ-TAT ngày 23/10/2023 của TAND tỉnh Vĩnh Long); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Đ (chết); có chồng Nguyễn Văn C và 02 con sinh đôi năm 1994; tiền sự, tiền án: không.

Nhân thân: Đảng viên Đ1 đã bị khai trừ Đảng theo Quyết định số 623-QĐ/TV ngày 19/10/2023 của Thị Ủy B, tỉnh Vĩnh Long.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 10 năm 2023 cho đến nay, có mặt.

2. Những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Thạch H, sinh năm

1972. Nơi cư trú: T, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Tuyết S là Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, được phân công giải quyết theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng thuê đất" giữa nguyên đơn là ông Thạch H (ủy quyền cho ông Nguyễn Duy T làm người đại diện) và bị đơn là bà Kim Thị Cà R, cùng trú tại: ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, theo thông báo thụ lý số: 120/TB-TLVA, ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 30/5/2023 theo Đơn yêu cầu của ông Thạch H, Nguyễn Thị Tuyết S đã ban hành văn bản đề nghị Trung tâm K thuộc Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh V khảo sát, đo đạc khu đất tranh chấp và ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản. Ông Thạch H đã nộp cho Nguyễn Thị Tuyết S số tiền là 10.000.000 đồng để tạm ứng chi phí đo đạc, định giá tài sản. Ngày 12/7/2023, nhận được kết quả đo đạc thể hiện khu đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Thạch H thì Nguyễn Thị Tuyết S xác định đã đủ căn cứ để đưa vụ án ra xét xử nên S nảy sinh ý định kéo dài thời gian giải quyết vụ án để ông Thạch H phải đưa tiền bồi dưỡng cho mình (Bút lục 241,293 – 294,319-323,354-355,359-360,364-365,371-399,400-419)

Khoảng cuối tháng 8/2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, Nguyễn Thị Tuyết S tổ chức hòa giải cho các bên đương sự không thành. Sau đó, S gặp và gợi ý với ông Nguyễn Duy T nói với ông Thạch H đưa tiền cho S thì vụ án sẽ được đưa ra xét xử nhanh. Ông T trao đổi lại nhưng ông H nói không có tiền (Bút lục 234-235, 406-410).

Khoảng đầu tháng 9/2023, Nguyễn Thị Tuyết S có kế hoạch đưa vụ án ra xét xử, S gọi điện thoại nói với ông Thạch H thông báo cho ông Nguyễn Duy T đến Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh làm việc. Do thấy trước đây S đã gợi ý việc phải đưa tiền thì vụ án mới được đưa ra xét xử nhanh, nên ông H đã đặt vấn đề nhờ S đưa vụ án ra xét xử xong sẽ cảm ơn. Ngày 11/9/2023, Nguyễn Thị Tuyết S gọi điện yêu cầu ông H đưa cho mình số tiền 50.000.000 đồng thì sẽ giúp và ông H xin giảm số tiền xuống 40.000.000 đồng, S đồng ý và yêu cầu phải đưa một lần trước khi xét xử. Sau đó, vào các ngày 20/9/2023, 22/9/2023, Nguyễn Thị Tuyết S liên tục gọi điện thoại thúc giục ông Thạch H đưa tiền để xét xử trước ngày 30/9/2023 nhưng ông H nói chưa có, khi nào vay được tiền sẽ đưa cho S. Ngày 02/10/2023, ông Thạch H vay của bà Huỳnh Thị Bé B (em vợ ông H) được số tiền 40.000.000 đồng và đã gọi điện thoại thông báo thì S hẹn gặp ông H vào sáng ngày hôm sau (Bút lục 38-41, 52-53, 71, 80-81, 191-197).

Vào khoảng 07 giờ ngày 03/10/2023, theo thỏa thuận ông Thạch H đã đến Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mang theo số tiền 40.000.000 đồng (80 tờ loại tiền mệnh giá 500.000 đồng) vào phòng làm việc đưa cho S. Nhận xong, S cất số tiền này vào ngăn bàn làm việc và nói với ông Thạch H tuần sau sẽ đưa vụ án ra xét xử. Ngay sau đó, Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã phát hiện bắt quả tang vụ việc và thu giữ toàn bộ số tiền Nguyễn Thị Tuyết S vừa nhận của Thạch H (Bút lục 30-31, 82-85, 119-135, 230-231).

Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã trưng cầu giám định các file ghi âm các cuộc điện thoại giữa Nguyễn Thị Tuyết S và ông Thạch H. Tại bản Kết luận giám định số 6499/KL-KTHS ngày 31/10/2023 của Phân viện Khoa hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: không phát hiện thấy dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong các file ghi âm xác định Nguyễn Thị Tuyết S đã nhiều lần yêu cầu ông Thạch H phải đưa số tiền 40.000.000 đồng, để giúp vụ án được xét xử nhanh; ngày 03/10/2023, tại phòng làm việc, S đã nhận của ông Thạch H số tiền 40.000.000 đồng (Bút lục 125, 192, 200).

Kết quả thu giữ các số điện thoại của Nguyễn Thị Tuyết S (số I), ông Thạch H (số I) xác định: từ ngày 01/9/2023 đến ngày 03/10/2023, phát sinh nhiều cuộc gọi đi, đến có thời gian phù hợp với lời khai của S và ông Thạch H (Bút lục 203-214).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Tuyết S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của S phù hợp với lời khai, nội dung tố cáo của ông Thạch H và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập. Ngoài ra, Nguyễn Thị Tuyết S còn khai nhận trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thạch H đã 04 lần tự nguyện đưa cho S tổng số tiền 11.000.000 đồng để bồi dưỡng (lần ít nhất 2.000.000 đồng, lần nhiều nhất 4.000.000 đồng). Gia đình S đã trả lại số tiền này và ông Thạch H không có ý kiến, nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với S về hành vi này. Đối với số tiền 10.000.000 đồng, ông Thạch H nộp để tạm ứng chi đo đạc và định giá tài sản, Nguyễn Thị Tuyết S đã thuê đo đạc và bồi dưỡng cho Hội đồng định giá số tiền là 5.411.000 đồng, còn lại số tiền 4.589.000 đồng đã trả lại cho ông Thạch H (Bút lục 125-136, 192-197)

***Về hành vi của những người liên quan**:

Đối với ông Thạch H có hành vi đưa số tiền 40.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Tuyết S để được xét xử vụ án nhanh, có dấu hiệu của tội "Đưa hối lộ" quy định tại Điều 364 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, việc đưa tiền này là do bị S đòi hỏi, ép buộc. Trước khi vụ việc bị phát hiện, ông Thạch H đã chủ động tố cáo toàn bộ hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Tuyết S, tích cực phối hợp với Cơ quan điều tra giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Thạch H là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Duy T là người đại diện theo ủy quyền của ông Thạch H, đã thông báo cho ông Thạch H biết việc Nguyễn Thị Tuyết S gợi ý ông Thạch H đưa tiền, để vụ án được đưa ra xét xử nhanh. Tuy nhiên, khi ông Thạch H nói không có tiền thì ông T không có ý kiến. Việc đòi, đưa và nhận số tiền 40.000.000

đồng giữa Nguyễn Thị Tuyết S và ông Thạch H, ông T không biết nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

* **Về tài liệu, vật chứng đã thu giữ**:

1. Ông Thạch H giao nộp: 02 USB chứa 04 file ghi âm các cuộc nói chuyện giữa Nguyễn Thị Tuyết S với ông Thạch H.

2. Thu giữ của Nguyễn Thị Tuyết S khi bắt quả tang: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng; số tiền 40.000.000 đồng (nhận hối lộ của ông Thạch H).

* **Về xử lý vật chứng**:

Ngày 17/10/2023, Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 09/QĐ-VKSTC-C1(P10) trả cho ông Thạch H số tiền 40.000.000 đồng, do không ảnh hưởng đến việc xử lý và thi hành án.

Tại Cáo trạng số: 843/CT-VKSTC-V6, ngày 10/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, truy tố để xét xử bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S, về tội *"Nhận hối lộ"* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác trình bày:

Kiểm sát viên phát biểu lời luận tội đối với bị cáo: Nguyễn Thị Tuyết S là Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, được phân công giải quyết theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng thuê đất". Từ tháng 09/2023 đến tháng 10/2023, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Nguyễn Thị Tuyết S vì động cơ vụ lợi cá nhân đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, yêu cầu ông Thạch H là nguyên đơn trong vụ án dân sự phải đưa cho mình số tiền 40.000.000 đồng để đưa vụ án ra xét xử nhanh. Ngày 03/10/2023 tại phòng làm việc ở trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, Nguyễn Thị Tuyết S đã nhận của ông Thạch H số tiền 40.000.000 đồng. Ngay sau đó, Nguyễn Thị Tuyết S bị Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị Tuyết S là rất nghiêm trọng, phạm vào tội " Nhận hối lộ" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đó, giữ nguyên nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm vào tội: *"Nhận hối lộ"*.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 354, các điểm b,s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S từ 04 năm đến 05 năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 03/10/2023

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên thu của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S để sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone màu trắng, số Ime 35484696505332, bên trong có gắn 01 thẻ sim số 0907117838.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Về án phí: buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S trình bày: trong giải quyết vụ án dân sự, bị cáo có yêu cầu ông H đưa tiền để bị cáo đưa vụ án ra xét xử nhanh. Bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin được giảm nhẹ mức hình phạt, mau sớm trở về phụng dưỡng cha già.

Ông Thạch H vắng mặt, nhưng ông H đã nhận đủ số tiền đưa cho bị cáo, ông không còn yêu cầu gì thêm, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S nói lời sau cùng: bị cáo biết tội của mình, bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt để mau sớm trở về lo cho cha già và gia đình; bị cáo cũng gửi lời xin lỗi đến lãnh đạo Tòa án tỉnh, những người thân trong gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024, ông Thạch H có đơn xin vắng mặt phiên tòa, có xác nhận của Chính quyền địa phương. Xét việc vắng mặt ông H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S khai nhận: bị cáo là Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, được phân công giải quyết theo thủ tục sơ thẩm vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng thuê đất". Từ tháng 09/2023 đến tháng 10/2023, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vì động cơ vụ lợi cá nhân đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, bị cáo yêu cầu ông Thạch H là nguyên đơn trong vụ án dân sự phải đưa cho mình số tiền 40.000.000 đồng để đưa vụ án ra xét xử nhanh. Ngày 03/10/2023 tại phòng làm việc ở trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, bị cáo đã nhận của ông Thạch H số tiền 40.000.000 đồng; ngay sau đó,

bị Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số tiền mà bị cáo vừa nhận của ông H.

Xét lời nhận tội của bị cáo đã phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản phạm tội quả tang, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, đủ cơ sở khách quan để quy kết hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S đã phạm vào tội: *"Nhận hối lộ",* theo điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, bị cáo trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của cơ quan bảo vệ pháp luật mà nhất Tòa án. Bị cáo trong lúc làm việc đã thúc giục yêu cầu đương sự trong vụ án phải đưa tiền mới xét xử vụ án nhanh. Do đó, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm minh.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi được phân công giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm, với động cơ vụ lợi cá nhân bị cáo đã kéo dài thời gian giải quyết vụ án để đòi nguyên đơn trong vụ án phải đưa tiền thì mới xét xử nhanh vụ án. Từ đó, làm cho người này bức xúc tố cáo đến cơ quan chức năng, trong lúc bị cáo vừa nhận tiền tại phòng làm việc thì bị bắt giữ. Hành vi của bị cáo càng nghiêm trọng hơn là bị cáo chủ động yêu cầu đòi đương sự phải đưa tiền thì mới xét xử vụ án nhanh, thể hiện ý thức của bị cáo là đòi hối lộ, nên bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung hình phạt theo điểm g khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần có một mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng đối bị cáo, đồng thời làm bài học răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tuy nhiên, xét bị cáo là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội từ giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khắc phục hậu quả về hành vi phạm tội của mình; quá trình công tác của bị cáo đã có nhiều cống hiến được tặng nhiều bằng khen, giấy khen; có cha mẹ là người có công với cách mạng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình đang nuôi cha già trên 90 tuổi bệnh nặng, nên xem đây là các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt, được quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Đối với hành vi đưa tiền của ông Thạch H, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự theo khoản 7 Điều 364 của Bộ luật Hình sự, nên không đặt ra để xem xét xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt bổ sung với hình thức, cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc giải quyết các loại án 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính.

[6] Về xử lý vật chứng:

Khi phá án Cơ quan điều tra có thu giữ của bị cáo 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone màu trắng, số Ime 35484696505332, bên trong có gắn 01 thẻ sim số 0907117838, điện thoại này bị cáo dùng vào việc liên lạc để yêu cầu đương sự đưa tiền, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Cơ quan điều tra đã trả cho ông Thạch H số tiền 40.000.000 đồng, mà ông H đã đưa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S, ông H không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: do bị kết án nên bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm vào tội: *"Nhận hối lộ"*.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 354, các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S 04 (bốn) năm tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 03/10/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 354 của Bộ luật Hình sự.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc giải quyết các loại án 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3.Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone màu trắng, số Ime 35484696505332, bên trong có gắn 01 thẻ sim số 0907117838 của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S, để sung vào ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/01/2024 giữa Cơ quan điều tra - Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, thời hạn kháng cáo cũng 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay từ ngày bản án được niêm yết theo quy định./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lê Thành Tân

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TỈNH VL: 01;
- CỤC THADS TỈNH VL: 02;
- THAHS - CÔNG AN TỈNH VL: 01;
- SỞ TƯ PHÁP VL: 01;
- PHÒNG HỒ SƠ - CÔNG AN TỈNH VL: 01;
- TRẠI GIAM + BỊ CÁO: 02;
- UBND xã Đ: 01;
- UBND xã T: 01;
- TNV + P.KTNV&THA: 03;
- NC TU: 01;
- LƯU: 04.